

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49/2012/QĐ-UBND

*Bình Thuận, ngày 20 tháng 11 năm 2012*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành quy định về chính sách đào tạo,  
thu hút nguồn nhân lực và chính sách luân chuyển,  
điều động cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Bình Thuận**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31/8/2010 về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính về việc quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 08/2011/TTLT-BNV-BTC ngày 31/8/2011 của Liên Bộ: Nội vụ - Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Thông báo số 234-TB/TU ngày 24/7/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quy định chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực và chính sách luân chuyển, điều động cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

Thực hiện Công văn số 727/HĐND-CTHĐ ngày 24/9/2012 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực và chính sách luân chuyển, điều động cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực và chính sách luân chuyển, điều động cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Bình Thuận, cụ thể như sau:

1. Chính sách đào tạo, thu hút sau đại học.
2. Chính sách đào tạo, đào tạo lại chuyên môn nghiệp vụ từ trung cấp đến đại học (bao gồm cả khối Đảng, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể).
3. Chính sách đào tạo cao cấp, trung cấp lý luận chính trị.
4. Chính sách luân chuyển, điều động cán bộ, công chức, viên chức.
5. Quy định về đền bù chi phí đào tạo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định sau:

1. Quyết định số 21/2007/QĐ-UBND ngày 09/5/2007 của UBND tỉnh về ban hành Quy định chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực và các chính sách khác để thực hiện các Nghị quyết 04, 05 và 07 của Tỉnh ủy Bình Thuận.

2. Quyết định số 43/2008/QĐ-UBND ngày 19/5/2008 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung đối tượng hưởng chế độ, chính sách theo Quyết định số 21/2007/QĐ-UBND ngày 09/5/2007 của UBND tỉnh Bình Thuận.

3. Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND ngày 30/01/2009 của UBND tỉnh về việc sửa đổi Khoản 1 và Khoản 3, Chương I quy định về chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực và các chính sách khác để thực hiện các Nghị quyết 04, 05 và 07 của Tỉnh ủy Bình Thuận.

4. Quyết định số 43/2004/QĐ-UBBT ngày 27/5/2004 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế tạm thời về quản lý, sử dụng, chế độ chính sách đối với những sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp tình nguyện công tác ở các xã, phường, thị trấn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Tiến Phương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực và chính sách luân chuyển,  
điều động cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Bình Thuận**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2012/QĐ-UBND  
ngày 20/11/2012 của UBND tỉnh Bình Thuận)*

### **Chương I**

## **CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO, THU HÚT SAU ĐẠI HỌC**

### **Điều 1. Đối tượng, điều kiện, thẩm quyền cử đi đào tạo**

#### **1. Đối tượng đào tạo:**

- a) Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh và cấp huyện;
- b) Công chức, viên chức hợp đồng không xác định thời hạn đang làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

#### **2. Điều kiện cử đi đào tạo:**

- a) Có thời gian công tác từ đủ 5 năm trở lên;
- b) Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;
- c) Cán bộ, công chức không quá 40 tuổi, viên chức không quá 45 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo (chỉ áp dụng đối với trường hợp được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu);
- d) Có cam kết tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, công vụ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo;
- đ) Có ít nhất 03 năm liên tục trước thời điểm cử đi học, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- e) Không đang trong thời gian chấp hành kỷ luật từ khiển trách trở lên hoặc không đang trong thời gian bị xem xét kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử;
- g) Thuộc đối tượng quy hoạch đào tạo của cơ quan, đơn vị và địa phương (theo kế hoạch đào tạo hàng năm do cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng và được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

**3. Thảm quyền cử đi học:**

a) Đối với các cơ quan thuộc khối Đảng, Mặt trận và các tổ chức Đoàn thể do Thường trực Tỉnh ủy hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy ban hành quyết định cử đi học;

b) Đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Sở Nội vụ ban hành quyết định cử đi học.

**Điều 2. Chế độ, chính sách khi đi học**

1. Hỗ trợ 100% tiền học phí cho toàn khóa học (theo phiếu thu của cơ sở đào tạo).

2. Về hỗ trợ sinh hoạt:

a) Trình độ tiến sỹ (hoặc chuyên khoa II): mức hỗ trợ bằng 45 lần mức lương tối thiểu chung;

b) Trình độ thạc sỹ (hoặc chuyên khoa I): mức hỗ trợ bằng 25 lần mức lương tối thiểu chung.

3. Riêng đối với công chức, viên chức đi học sau đại học (ưu tiên đào tạo trình độ tiến sỹ và tương đương) phục vụ cho chương trình nâng cấp Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận lên Trường Đại học Bình Thuận; đáp ứng chuẩn Trường Cao đẳng Y tế, Trường Cao đẳng nghề Bình Thuận theo chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; công chức, viên chức đi học để phục vụ cho các bệnh viện tuyến tỉnh thì được hỗ trợ sinh hoạt như sau:

a) Trình độ tiến sỹ (hoặc chuyên khoa II): mức hỗ trợ bằng 60 lần mức lương tối thiểu chung;

b) Trình độ thạc sỹ (hoặc chuyên khoa I): mức hỗ trợ bằng 40 lần mức lương tối thiểu chung;

c) Các chế độ nêu tại Điểm a, Điểm b, Khoản 3 nêu trên được thực hiện kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành cho đến khi các trường đã đáp ứng tiêu chuẩn tối thiểu về tỷ lệ giáo viên cơ hữu có trình độ sau đại học và các bệnh viện tuyến tỉnh đạt chuẩn tối thiểu về tỷ lệ đội ngũ bác sỹ có trình độ sau đại học theo quy định hiện hành của Nhà nước. Các đối tượng được cử đi đào tạo sau khi các trường và các bệnh viện tuyến tỉnh đã đạt chuẩn theo quy định thì được hưởng chính sách theo Khoản 2, Điều 2 Quy định này.

4. Đối với cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số; cán bộ, công chức, viên chức là nữ; cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại huyện Phú Quý, ngoài các chế độ được hưởng theo Khoản 1, Khoản 2 (hoặc Khoản 3) Điều này còn được hỗ trợ thêm: 5.000.000đ/người/toàn khóa học. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhiều diện nêu trên thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ là 5.000.000đ/người/toàn khóa học.

5. Chế độ, chính sách này không áp dụng đối với trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đi học sau đại học theo chương trình liên kết giữa trường trong nước với nước ngoài.

### **Điều 3. Chính sách thu hút**

Người có trình độ sau đại học và chuyên ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu của đơn vị (chưa được hưởng chính sách của tỉnh), nếu có nguyện vọng và cam kết về công tác lâu dài (trên 05 năm) tại các trường trong chương trình nâng cấp theo chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Trường Cao đẳng Cộng đồng, Trường Cao đẳng Y tế, Trường Cao đẳng nghề) và các bệnh viện tuyển tỉnh, có năng lực và phẩm chất đạo đức tốt thì được hỗ trợ như sau:

1. Trình độ tiến sỹ (hoặc chuyên khoa II): mức hỗ trợ bằng 60 lần mức lương tối thiểu chung.

2. Trình độ thạc sỹ (hoặc chuyên khoa I): mức hỗ trợ bằng 40 lần mức lương tối thiểu chung.

3. Các chính sách nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được áp dụng từ nay cho đến khi các trường đã đạt chuẩn tối thiểu về tỷ lệ giáo viên cơ hữu có trình độ sau đại học; các bệnh viện tuyển tỉnh đạt chuẩn tối thiểu về tỷ lệ đội ngũ bác sỹ có trình độ sau đại học.

### **Điều 4. Chế độ thanh toán**

1. Nguồn kinh phí chi trả do ngân sách Nhà nước cấp. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có cán bộ, công chức, viên chức đi học lập dự trù kinh phí và thanh quyết toán với cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

2. Cán bộ, công chức, viên chức khi được cử đi học sau đại học được tạm ứng và thanh toán các khoản kinh phí như sau:

a) Lần 1: khi có quyết định cử đi học, được tạm ứng bằng 50% mức hỗ trợ được hưởng theo lương tối thiểu chung tại thời điểm Quyết định cử đi học có hiệu lực;

b) Lần 2: khi đã có bằng tốt nghiệp, được thanh toán phần kinh phí còn lại theo mức hỗ trợ được hưởng và mức lương tối thiểu chung tại thời điểm được cấp bằng tốt nghiệp;

c) Tiền học phí: được thanh toán tiền học phí khi có biên lai thu học phí của cơ sở đào tạo.

3. Người có trình độ sau đại học về công tác tại các Trường Cao đẳng cộng đồng, Trường Cao đẳng Y tế, Trường Cao đẳng nghề và các bệnh viện tuyển tỉnh thì

sau khi có Quyết định tuyển dụng hay quyết định tiếp nhận, điều động theo chính sách thu hút tại Điều 3 Quy định này, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm lập dự trù kinh phí và thanh quyết toán với cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định. Kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng này được cấp 01 lần.

## **Chương II**

### **CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO, ĐÀO TẠO LẠI CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ TỪ TRUNG CẤP ĐẾN ĐẠI HỌC (BAO GỒM CẢ KHỐI ĐẢNG, MẶT TRẬN VÀ CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ)**

#### **Điều 5. Đối tượng, điều kiện, thẩm quyền cử đi học**

1. Đối tượng đào tạo lại chuyên môn nghiệp vụ từ trung cấp đến đại học:

- Cán bộ, công chức cấp tỉnh và cấp huyện;
- Công chức, viên chức hợp đồng lao động không xác định thời hạn tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đối tượng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ từ trung cấp đến đại học:

Cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

3. Điều kiện cử đi học:

- a) Cơ quan, đơn vị được tổ chức sắp xếp lại;
- b) Trường hợp đã được bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ lãnh đạo trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành, mà chưa đáp ứng tiêu chuẩn về trình chuyên môn theo quy định;
- c) Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;
- d) Thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên kể từ ngày bổ nhiệm chính thức vào ngạch và phải có 03 năm liên tục, trước thời điểm cử đi học được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- đ) Đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã: không quá 40 tuổi đối với nữ và 45 tuổi đối với nam;
- e) Không đang trong thời gian chấp hành kỷ luật từ khiển trách trở lên hoặc không đang trong thời gian bị xem xét kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử;
- g) Thuộc đối tượng đào tạo, đào tạo lại theo kế hoạch của cơ quan, đơn vị, địa phương và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### 4. Thẩm quyền cử đi học:

a) Cấp tỉnh: Ban Tổ chức Tỉnh ủy ban hành quyết định cử đi học đối với các cơ quan thuộc khối Đảng, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể; Sở Nội vụ ban hành quyết định cử đi học đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;

b) Cấp huyện: Thường trực Huyện ủy (Thị ủy, Thành ủy) ban hành quyết định cử đi học đối với các cơ quan thuộc khối Đảng, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể; Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định cử đi học đối với các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và các xã, phường, thị trấn.

### **Điều 6. Chế độ, chính sách khi đi học**

Cán bộ, công chức, viên chức khi cử đi đào tạo được hưởng chế độ cụ thể như sau:

1. Chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập theo giá cước phí thông thường tại từng thời điểm và phải có hóa đơn hợp lệ (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ Tết Nguyên đán; nghỉ Tết Cổ truyền của dân tộc).

2. Chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức lớp học xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ).

3. Hỗ trợ 50% tiền học phí cho toàn khóa học (theo phiếu thu của cơ sở đào tạo). Riêng cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại 11 xã thuần đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao gồm: xã Phan Dũng thuộc huyện Tuy Phong; các xã: Phan Điền, Phan Tiến, Phan Lâm và Phan Sơn thuộc huyện Bắc Bình; các xã: Đông Giang, Đông Tiến, La Dạ thuộc huyện Hàm Thuận Bắc; các xã: Hàm Cần, Mỹ Thạnh thuộc huyện Hàm Thuận Nam; xã La Ngâu thuộc huyện Tánh Linh và xã Đa Mi thuộc huyện Hàm Thuận Bắc thì được hỗ trợ tiền tài liệu học tập (không tính tài liệu tham khảo) và 100% tiền học phí cho toàn khóa học (theo phiếu thu của cơ sở đào tạo).

#### 4. Hỗ trợ tiền ăn:

a) Học trong tỉnh: hỗ trợ 20.000 đồng/người/ngày thực học;

b) Học ngoài tỉnh: hỗ trợ 30.000 đồng/người/ngày thực học.

5. Chế độ khuyến khích: đối với cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số; cán bộ, công chức, viên chức là nữ; cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại huyện Phú Quý, ngoài các chế độ được hưởng theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, còn được hỗ trợ thêm: 10.000 đồng/người/ngày thực học. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhiều diện nêu trên thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ là 10.000 đồng/người/ngày thực học.



**Điều 7. Chế độ thanh toán**

1. Đối với kinh phí hỗ trợ tiền tàu xe và tiền thuê chỗ nghỉ: cơ quan, đơn vị, địa phương có cán bộ, công chức, viên chức đi học chi trả từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của đơn vị. Định mức chi do thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định và được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện.

2. Đối với kinh phí hỗ trợ tiền học phí, tài liệu, tiền ăn và tiền chi trả chế độ khuyến khích cho người dân tộc thiểu số; cán bộ, công chức, viên chức là nữ; cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại huyện Phú Quý:

a) Các lớp mở theo kế hoạch của tỉnh: nguồn kinh phí được chi trả từ nguồn kinh phí đào tạo của tỉnh cấp cho các cơ sở đào tạo;

b) Các trường hợp còn lại (trừ trường hợp liên kết với nước ngoài): do các cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức đi học chi trả; đồng thời có trách nhiệm tổng hợp kinh phí đi học vào dự toán chi của cơ quan, đơn vị hàng năm gửi cơ quan tài chính cùng bố trí dự toán kinh phí chi trả.

**Chương III****CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO CAO CẤP,  
TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ****Điều 8. Đối tượng, thẩm quyền cử đi học**

1. Đối tượng đi học:

Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh và cấp huyện; công chức, viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập; cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; cán bộ, công chức, viên chức ở các cơ quan thuộc ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; cán bộ, sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp ở các ngành công an, quân sự, biên phòng (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức).

2. Thẩm quyền cử đi học: Ban Tổ chức Tỉnh ủy ban hành quyết định cử đi học.

**Điều 9. Chế độ, chính sách khi đi học**

Cán bộ, công chức, viên chức khi được cử đi đào tạo được hưởng chế độ cụ thể như sau:

1. Chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập theo giá cước phí thông thường tại từng thời điểm và phải có hóa đơn hợp lệ (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ Tết Nguyên đán; nghỉ Tết Cổ truyền của dân tộc).

2. Hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức lớp học xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ).

3. Hỗ trợ tiền tài liệu:

a) Học trung cấp: 300.000 đồng/người/năm học;

b) Học cao cấp: 500.000 đồng/người/năm học.

4. Hỗ trợ tiền ăn đối với học viên các lớp mở tại tỉnh: 20.000 đồng/người/ ngày thực học.

5. Chế độ khuyến khích:

Đối với cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số; cán bộ, công chức, viên chức là nữ; cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại huyện Phú Quý, ngoài các chế độ được hưởng theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 điều này, còn được hỗ trợ thêm: 10.000 đồng/người/ngày thực học. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhiều diện nêu trên thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ là 10.000 đồng/người/ngày thực học.

### **Điều 10. Chế độ thanh toán**

1. Đối với kinh phí hỗ trợ tiền tàu xe và tiền thuê chỗ nghỉ: cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức đi học chi trả từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của đơn vị. Định mức chi do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định và được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện.

2. Đối với kinh phí hỗ trợ tiền tài liệu, hỗ trợ tiền ăn và tiền chi trả chế độ khuyến khích cho cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số; cán bộ, công chức, viên chức là nữ; cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại huyện Phú Quý:

a) Các lớp mở tại tỉnh: do các cơ sở đào tạo thực hiện quản lý, chi trả từ nguồn kinh phí đào tạo của tỉnh cấp cho các cơ sở đào tạo;

b) Các lớp mở ngoài tỉnh: các cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức đi học chi trả hàng năm. Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổng hợp kinh phí đi học vào dự toán chi của cơ quan, đơn vị hàng năm gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tham mưu UBND các cấp bố trí dự toán kinh phí để chi trả.

**Chương IV**  
**CHÍNH SÁCH LUÂN CHUYỂN,**  
**ĐIỀU ĐỘNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

**Điều 11. Đối tượng**

- Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và trong quy hoạch của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện theo yêu cầu nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền luân chuyển nhận nhiệm vụ mới;

- Cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện được điều động về giữ các chức vụ chủ chốt tại các xã, phường, thị trấn khó khăn trong công tác bố trí cán bộ.

**Điều 12. Chế độ, chính sách trong thời gian luân chuyển, điều động**

1. Phụ cấp chức vụ:

a) Cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển đến vị trí công tác khác mà phụ cấp chức vụ mới thấp hơn phụ cấp chức vụ hiện đang đảm nhiệm thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ hiện hưởng trong thời gian luân chuyển;

b) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý ở cấp huyện được điều động về giữ các chức vụ chủ chốt tại các xã, phường, thị trấn mà phụ cấp chức vụ mới thấp hơn phụ cấp chức vụ hiện đang đảm nhiệm thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ trong thời gian 06 tháng.

2. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở:

Cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động nhận nhiệm vụ mới, nếu nơi đến không bố trí nhà ở công vụ, bản thân cán bộ, công chức, viên chức phải thuê nhà ở thì được hỗ trợ một trong các khoản sau:

a) Từ huyện, thị xã về tỉnh được hỗ trợ 700.000đồng/người/tháng;

b) Từ tỉnh về huyện, thị xã được hỗ trợ 500.000đồng/người/tháng;

c) Từ huyện, thị xã, thành phố này (sau đây gọi tắt là huyện) sang huyện khác được hỗ trợ 500.000đồng/người/tháng;

d) Từ huyện về xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) được hỗ trợ 400.000đồng/người/tháng;

e) Thời gian hưởng:

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng luân chuyển thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong suốt thời gian luân chuyển;

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng điều động thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở tối đa không quá 3 năm.

### 3. Hỗ trợ ban đầu:

a) Luân chuyển từ tỉnh xuống huyện và ngược lại; từ huyện này sang huyện khác:

- Cán bộ, công chức, viên chức là nam giới được hỗ trợ một lần 4.000.000 đồng/người;

- Cán bộ, công chức, viên chức là nữ giới được hỗ trợ một lần 5.000.000 đồng/người.

b) Luân chuyển, điều động từ huyện xuống xã được hỗ trợ ban đầu bằng 50% mức quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều này.

### 4. Hỗ trợ đi lại thăm gia đình:

Cán bộ, công chức, viên chức khi được luân chuyển, điều động công tác đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 13 dưới đây thì được hỗ trợ đi lại thăm gia đình như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức từ tỉnh được luân chuyển về huyện, từ huyện lên tỉnh, từ huyện này sang huyện khác được hỗ trợ đi lại thăm gia đình hàng tháng bằng 300.000 đồng; từ đất liền ra đảo Phú Quý và ngược lại mỗi tháng được hỗ trợ bằng 500.000 đồng;

b) Cán bộ, công chức, viên chức ở huyện được luân chuyển, điều động về xã thì được hỗ trợ hàng tháng bằng 200.000 đồng.

### 5. Hỗ trợ tiền ăn:

Cán bộ, công chức, viên chức ở tỉnh được luân chuyển về huyện; từ huyện lên tỉnh; từ huyện này sang huyện khác; từ huyện về xã thì được hỗ trợ tiền ăn hàng tháng 400.000 đồng. Mức hỗ trợ này chỉ thực hiện trong 06 tháng đầu.

## **Điều 13. Điều kiện**

1. Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong quy hoạch được luân chuyển, điều động chỉ được hưởng hỗ trợ thuê nhà ở, hỗ trợ ban đầu, hỗ trợ đi lại thăm gia đình, hỗ trợ tiền ăn khi khoảng cách tính từ nơi gia đình cư trú ổn định đến nơi luân chuyển, điều động từ 15 km trở lên.

2. Cán bộ, công chức, viên chức được điều động về các xã, phường, thị trấn còn khuyết chức danh cán bộ chủ chốt nhưng không có nguồn cán bộ tại chỗ, được cấp có thẩm quyền điều động.

**Điều 14. Chế độ thanh toán**

Kinh phí chi trả cho chính sách này do ngân sách Nhà nước cấp, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động đến lập dự trù kinh phí để cấp phát cho đối tượng và quyết toán với cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

**Chương V****QUY ĐỊNH VỀ ĐÈN BÙ CHI PHÍ ĐÀO TẠO, THU HÚT****Điều 15. Các trường hợp phải đền bù chi phí đào tạo**

Đền bù chi phí đào tạo áp dụng đối với các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo từ trình độ trung cấp chuyên môn nghiệp vụ trở lên, khi:

1. Cán bộ, công chức, viên chức tự ý không tham gia khóa học khi đã làm đầy đủ các thủ tục nhập học và đã được cơ quan cấp kinh phí đào tạo; hoặc cán bộ, công chức, viên chức tự ý bỏ học, bỏ việc hoặc thôi việc trong thời gian được cử đi đào tạo.

2. Cán bộ, công chức, viên chức tham gia khóa học đầy đủ thời gian theo quy định (có xác nhận của cơ sở đào tạo) nhưng không được cấp bằng tốt nghiệp do nguyên nhân chủ quan.

3. Cán bộ, công chức, viên chức đã hoàn thành khóa học và được cấp bằng tốt nghiệp nhưng bỏ việc hoặc thôi việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết (thời gian phục vụ ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo).

**Điều 16. Chi phí đền bù và cách tính chi phí đền bù**

1. Chi phí đền bù bao gồm học phí và tất cả các khoản chi khác phục vụ cho khóa học.

2. Cách tính chi phí đền bù:

a) Đối với trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 15 quy định này, cán bộ, công chức, viên chức phải đền bù 100% chi phí của khóa học;

b) Đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 15 quy định này, cán bộ, công chức, viên chức phải đền bù 50% chi phí của khóa học;

c) Đối với các trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 15 quy định này, chi phí đền bù được tính theo công thức sau:

$$S = \frac{F}{T1} (T1-T2)$$

Trong đó:

- S là chi phí đền bù;
- F là tổng chi phí của khóa học;
- T1 là thời gian yêu cầu phải phục vụ sau khi đã hoàn thành khóa học (hoặc các khóa học) được tính bằng số tháng làm tròn;
- T2 là thời gian đã phục vụ sau đào tạo được tính bằng số tháng làm tròn.

Ví dụ: ông Nguyễn Văn A được cơ quan cử đi đào tạo thạc sỹ 3 năm (bằng 36 tháng), chi phí hết 50 triệu đồng. Sau khi tốt nghiệp, ông A phục vụ cho cơ quan được 3 năm (bằng 36 tháng). Sau đó, ông A tự ý bỏ việc. Chi phí đào tạo mà ông A phải đền bù là:

$$S = \frac{50.000.000đ}{108 \text{ tháng}} \times (108 \text{ tháng} - 36 \text{ tháng}) = 33.000.000 \text{ đồng}$$

Trường hợp ông A sau khi hoàn thành khóa đào tạo mà thôi việc ngay hoặc đang học mà tự ý thôi việc thì ông A phải đền bù toàn bộ chi phí đào tạo là 50 triệu đồng.

3. Một số vấn đề khác có liên quan đến đền bù chi phí đào tạo thì thực hiện theo quy định tại Chương IV, Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ.

**Điều 17.** Các đối tượng được hưởng chế độ chính sách thu hút theo quy định tại Điều 3, Chương I nếu không công tác đủ thời gian theo cam kết mà tự ý bỏ việc hoặc bị buộc thôi việc thì phải đền bù kinh phí trợ cấp đã nhận, số tiền bồi hoàn được tính tương ứng với số tháng chưa công tác (cách tính đền bù như Điều 16).

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Viên chức hợp đồng lao động không xác định thời hạn tại đơn vị sự nghiệp công lập được hưởng chế độ, chính sách đi học theo quy định này cho đến khi Trung ương có văn bản quy định về chế độ đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

2. Đối với các đối tượng được hưởng chính sách đào tạo theo quy định tại Quyết định số 21/2007/QĐ-UBND ngày 09/5/2007 của UBND tỉnh nay vẫn còn tiếp

tục khóa học, chưa tốt nghiệp thì được hưởng chính sách đào tạo theo quy định này, tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với các đối tượng đang hưởng chính sách luân chuyển và cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện được điều động về giữ các chức vụ chủ chốt tại các xã khó khăn trong công tác bố trí cán bộ, hiện đang hưởng chính sách luân chuyển, điều động theo quy định tại Quyết định số 21/2007/QĐ-UBND ngày 09/5/2007 của UBND tỉnh, thì được hưởng theo Quy định này, tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành cho đến hết thời gian được hưởng chính sách luân chuyển, điều động.

4. Riêng các trường hợp đang hưởng chính sách điều động theo quy định tại Quyết định số 21/2007/QĐ-UBND ngày 09/5/2007 của UBND tỉnh mà không phải là cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện được điều động về giữ các chức vụ chủ chốt tại các xã khó khăn trong công tác bố trí cán bộ thì không hưởng chính sách điều động kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 19.** Cán bộ, công chức, viên chức tham gia các Chương trình học bổng, Đề án của trung ương và địa phương (Đề án 322, Đề án 165, Đề án 100...) không được hưởng chính sách đào tạo sau đại học theo Quy định này.

#### **Điều 20. Tổ chức thực hiện**

1. Giao trách nhiệm cho Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Ngoài những nội dung được đề cập tại Quy định này, quá trình thực hiện nếu có phát sinh thì Sở Nội vụ phối hợp với các sở, ngành liên quan trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết từng trường hợp cụ thể.

3. Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương có văn bản phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Tiến Phương**